TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/KDTM-ST
Ngày: 30/7/2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Dũng.

2. Bà Lê Thị Vân.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Đặng Nhật Trường – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Truyền – Kiểm sát viên.

Ngày 26 và ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2017/TLST–KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 6 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-KDTM ngày 22 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (trước đây là Ngân hàng thương mại cổ phần P).

Địa chỉ: Số 22, N, phường T, quận K, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện ủy quyền: Anh Huỳnh Cảnh K, sinh năm 1988 - Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ.

Địa chỉ: Số 40, Phạm Ngọc T, phường A, quận B, thành phố C.

Nơi ở hiện nay: Số 14C đường E, phường X, quận N, TP Đ.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Văn G – sinh năm 1959;

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: Ấp HH, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Chị Phạm Thị Tuyết N - sinh năm 1984;

Anh Phạm Thanh H - sinh năm 1985;

Chị Phạm Thị Bảo U – sinh năm 1994;

Chị Phạm Thị Bảo X – sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp HH, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt anh K, Ông G, bà D. Vắng mặt anh H, chị N, chị U, chị X).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 25/9/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn anh Huỳnh Cảnh K trình bày: Ngân hàng thương mại cổ phần P- Phòng giao dịch V nay là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ– VP C có cho ông Phạm Văn G, bà Nguyễn Thị D vay tổng số tiền 700.000.000 đồng thời hạn vay là 6 tháng theo hợp đồng tín dụng số 29/2011/HĐHM-CN.VL ngày 22/4/2011 lãi suất vay, theo từng khế ước nhận nợ, mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh.

Thực hiện hợp đồng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Phạm Văn G, bà Nguyễn Thị D số tiền 700.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ, chi tiết như sau: Khế ước nhận nợ 29/2011/HĐTC-CN/KUNN 6 tháng, số tiền giải ngân 700.000.000 đồng, lãi suất 21,6%/năm. Khế ước nhận nợ ngày 19/11/2011 06 tháng với lãi suất 26%/năm.

Tài sản thế chấp thứ nhất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 4.712 m^2, thửa 1003, tờ bản đồ số 4 tọa lạc ấp HH, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03643 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 08/7/2002 cho hộ ông Phạm Văn G. Tài sản thế chấp thứ hai, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 4.098 m^2, thửa 1004 và diện tích 1.000m^2, thửa 2323, tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00666 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 17/8/1995 cho ông Phạm Văn G. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 29-A/ 2011/HĐTC-CNVL ngày 21/4/2011 và số 29-B/2011/HĐTC-CNVL ngày 21/4/2011 được công chứng tại Ủy ban nhân dân xã M. Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp tài sản của ông Phạm Văn G tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C ngày 21/4/2011.

Quá trình thực hiện hợp đồng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông G, bà D trả nợ nhưng ông G, bà D vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Do ông G, bà D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết nên Ngân hàng khởi kiện để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ theo quy định.

Tính đến ngày 26/7/2018, tổng số tiền mà ông G, bà D còn nợ Ngân hàng là: 2.479.691.153 đồng; trong đó: Nợ gốc 700.000.000 đồng; Lãi suất trong hạn 89.587.820 đồng; lãi suất quá hạn: 1.690.103.333 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu:

- Buộc ông Phạm Văn G, bà Nguyễn Thị D phải liên đới thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với tổng số tiền là 2.479.691.153 đồng.

- Buộc ông Phạm Văn G, bà Nguyễn Thị D phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông Phạm Văn G, bà Nguyễn Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ của ông Phạm Văn G, bà Nguyễn Thị D đối với Ngân hàng. Nếu ông G, bà D không thực hiện nghĩa vụ hoặc không đủ tài sản để thi hành thì phía Ngân hàng sẽ xử lý tài sản của ông G, bà D để thi hành án.

Tại biên bản ghi lời khai của Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn G, bà Nguyễn Thị D trình bày: Ngày 22/4/2011 tại quán cà phê U (V) có ông, bà D, ông T1, ông H, ông D1 (cán bộ tín dụng Ngân hàng), bà S nhưng ông G không rõ họ, tên địa chỉ hiện nay của ông T1, bà S, ông H, ông D1. Tại đây, vợ chồng ông có ký hợp đồng tín dụng vay số tiền 700.000.000 đồng và ký hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng. Sau khi ký, ông có nhận 700.000.000 đồng rồi giao lại Ngân hàng 13.000.000 đồng tiền lãi đầu tiên. Ông G đưa tiền hoa hồng cho ông T1, ông D1 10% số tiền vay là 70.000.000 đồng. Đồng thời, trên đường về ông G có cho ông T1 mượn 270.000.000 đồng, mượn không viết biên nhận, ông T1 hẹn ba ngày sau sẽ trả nhưng đến nay ông T1 vẫn chưa trả nợ cho ông G, bà D. Tại phiên tòa hôm nay, ông G, bà D thừa nhận có nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi như trên nhưng do cuộc sống khó khăn nên xin trả số tiền gốc 700.000.000 đồng bằng hình thức trả dần trong thời hạn 3 năm với phương thức như sau: Hai năm đầu mỗi năm ông bà trả số tiền 50.000.000 đồng, năm thứ ba ông bà sẽ trả số tiền còn lại 600.000.000 đồng và xin giảm lãi số tiền trên.

***** Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, tờ tự khai, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, thông báo hòa giải, thông báo hoãn phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị Phạm Thị Tuyết N, anh Phạm Thanh H, chị Phạm Thị Bảo U, chị Phạm Thị Bảo X vắng mặt không có lý do và cũng không có tự khai trình bày ý kiến.

Những tình tiết mà các bên đương sự đã thống nhất: Ngày 22/4/2011 ông Phạm Văn G và bà Nguyễn Thị D có ký kết hợp đồng tín dụng số tiền 700.000.000 đồng. Hiện ông G, bà D còn nợ số tiền gốc và lãi như Ngân hàng trình bày.

Các đương sự không thống nhất: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu ông G, bà D trả gốc và lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ông G, bà D xin trả số tiền gốc 700.000.000 đồng trong 03 năm và xin giảm lãi.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và ông Phạm Văn G, bà Nguyễn Thị D ký kết hợp đồng tín dụng, có mục đích lợi nhuận, ông G có đăng ký kinh doanh. Quá trình thực hiện hai bên xảy ra tranh chấp. Xét thấy ông Phạm Văn G, bà Nguyễn Thị D có địa chỉ cư trú tại huyện C được xác định là vụ án kinh doanh thương mại "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Tuyết N, anh Phạm Thanh H, chị Phạm Thị Bảo U, chị Phạm Thị Bảo X đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh H, chị U, chị X.

[2] Về nội dung: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với ông Phạm Văn G, bà Nguyễn Thị D ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số 29/2011/HDTDHM-CN.VL ngày 21/4/2011 theo đó Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đồng ý cấp tín dụng cho ông Phạm Văn G, bà Nguyễn Thị D số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn vay, lãi suất cho vay theo khế ước nhận nợ; mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Việc giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên hợp đồng hợp pháp. Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đã giải ngân cho ông Phạm Văn G, bà Nguyễn Thị D số tiền 700.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ nêu trên. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ ông Phạm Văn G, bà Nguyễn Thị D đã trả được 01 lần lãi với số tiền 1.359.291 đồng và sau này thì không trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ theo thỏa thuận. Xét thấy, tại khế ước nhận nợ hai bên thoả thuận số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất; phương thức trả nợ gốc là tự nguyện. Đến thời hạn trả nợ ông Phạm Văn G, bà Nguyễn Thị D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình nên đã vi phạm hợp đồng, khế ước nhận nợ. Do đó, ông

Phạm Văn G, bà Nguyễn Thị D phải có trách nhiệm trả nợ gốc, lãi trong hạn và phải chịu mức lãi suất quá hạn như hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã thỏa thuận là phù hợp. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu trả số tiền gốc 700.000.000 đồng là có cơ sở nên chấp nhận; Đối với số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

- Tiền lãi vay trong hạn: Ngân hàng đề nghị tính đến ngày 26/7/2018 theo lãi suất quy định trong hợp đồng, khế ước nhận nợ với số tiền 89.587.820 đồng là có cơ sở theo thỏa thuận hợp đồng nên chấp nhận;

- Tiền lãi quá hạn: Ngân hàng đề nghị tính đến ngày 26/7/2018 theo lãi suất quy định trong hợp đồng, khế ước nhận nợ bằng 150% lãi suất trong hạn với số tiền 1.690.103.333 đồng là có cơ sở theo thỏa thuận hợp đồng nên chấp nhận;

Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đđối với ông Phạm Văn G, bà Nguyễn Thị D; buộc ông Phạm Văn G, bà Nguyễn Thị D phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền là 2.479.691.153 đồng; trong đó: Nợ gốc 700.000.000 đồng; lãi trong hạn 89.587.820 đồng; lãi quá hạn 1.690.103.333 đồng (lãi vay tính đến ngày 26/7/2018).

Đối với đề nghị của ông Phạm Văn G, bà Nguyễn Thị D xin Ngân hàng giảm lãi và không tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh từ ngày 26/7/2018 theo như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc đề nghị giảm lãi và không tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh phía nguyên đơn không đồng ý, đồng thời theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký có thỏa thuận việc trả tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn; Do đó, căn cứ vào Điều 474 của Bộ Luật dân sự năm 2005 và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, bên vay phải có nghĩa vụ trả vốn và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Tài sản thế chấp thứ nhất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 4.712 m^2, thửa 1003, tờ bản đồ số 4 tọa lạc ấp HH, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03643 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 08/7/2002 cho hộ ông Phạm Văn G. Tài sản thế chấp thứ hai, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 4.098 m^2, thửa 1004 và diện tích 1.000m^2, thửa 2323, tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00666 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 17/8/1995 cho ông Phạm Văn G. Do Ngân hàng không có yêu cầu Tòa án giải quyết phát mãi tài sản thế chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, ông Phạm Văn G, bà Phạm Thị D khai nại ông bà có cho ông T1 có địa chỉ ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang mượn số tiền 270.000.000 đồng, ông T1 đã bỏ địa phương đi. Hiện nay, ông không rõ địa chỉ cụ thể của ông T1 và ông G, bà D cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này ông T1 trở về địa phương thì ông G, bà D sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Đồng thời, bà Nguyễn Thị D trình bày: Vào năm 2006 ông bà đã bán đất cho bà Phạm Thị S, ông Phạm Văn Đ mua bán bằng giấy tay, không ký hợp đồng sang

nhượng với tổng diện tích đất 9.800 m^2. Đến năm 2011 khi vay Ngân hàng thì ông G, bà D đã đem phần tài sản này thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần P để vay số tiền 700.000.000 đồng. Do phía Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp và bà D cũng không có yêu cầu giải quyết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng của bà với bà S, ông Đ nên không cần thiết phải đưa bà S, ông Đ tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do bà S, ông Đ không bị ảnh hưởng quyền lợi và không có nghĩa vụ trong vụ kiện này.

[3] Về án phí: Ông Phạm Văn G, bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí theo Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 342, 343, 355, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

1. Buộc ông Phạm Văn G, bà Nguyễn Thị D phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền là 2.479.691.153 đồng (Hai tỉ bốn trăm bảy mươi chín triệu sáu trăm chín mươi mốt ngàn một trăm năm mươi ba đồng); trong đó: Nợ gốc 700.000.000 đồng; lãi trong hạn 89.587.820 đồng; lãi quá hạn 1.690.103.333 đồng (lãi vay tính đến ngày 26/7/2018).

2. Trường hợp ông Phạm Văn G, bà Nguyễn Thị D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đđược quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp thứ nhất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 4.712 m^2, thửa 1003, tờ bản đồ số 4 tọa lạc ấp HH, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03643 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 08/7/2002 cho hộ ông Phạm Văn G. Tài sản thế chấp thứ hai, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 4.098 m^2, thửa 1004 và diện tích 1.000m^2, thửa 2323, tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00666 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 17/8/1995 cho ông Phạm Văn G để thu hồi nợ ở giai đoạn thi hành án.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Phạm Văn G, bà Nguyễn Thị D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Phạm Văn G, bà Nguyễn Thị D phải chịu 81.593.823 đồng (Tám mươi mốt triệu năm trăm chín mươi ba ngàn tám trăm hai mươi ba đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiến tạm ứng án phí 38.136.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 14858 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS H.Cai Lậy;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Trần Kim Loan